***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1 tuần 02***

**CHỦ ĐỀ 2: BÉ VÀ BÀ**

**BÀI 1: Ơ *ơ* dấu nặng( ) (tiết 1-2, sách học sinh, trang 20-21)**

ị

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề ***Bé và bà***(*bé và bà, vỗ tay, kể, bé, bế, ở…*).Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa âm chữ ***ơ****, dấu nặng* (*chợ, bơ, nơ, bọ,…*).

**-** Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của ***ơ***, *dấu nặng*. Nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các tiếng *bơ*, *cọ*. Viết được chữ ***ơ***, *dấu ghi thanh nặng, số* **6***,* từ có âm chữ ***ơ****, thanh nặng* (*bơ, cọ*). Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng.Đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản; nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ, dấu thanh được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.Gọi tên vật, nói câu có từ ngữ chứa tên gọi vật đãtìmqua các hoạt động mở rộng.

**-** Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

**-** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ chữ ***Ơ ơ*** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh hoạ kèm theo thẻ từ (*bơ, cọ, bờ, bọ,…*); tranh chủ đề; tranh (video clip) về cảnh bà cháu ở nhà hoặc đi chợ.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Bé và bà*. Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa âm chữ ***ơ****, dấu nặng*.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên yêu cầu một vài học sinh kể tên, đọc, viết một số từ có chứa ***a, b, c, o, ˋ, ˊ, ˀ***; nói câu có chứa từ ngữ được học ở tuần trước (***ba, bà, cò, cỏ,…***).  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 20. |
| - Giáo viên cho học sinh nhận diện và đọc chữ mà học sinh đã học: ***b, a, bà***.  - Giáo viên yêu cầu học sinh trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề và tranh chủ đề gợi ra.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nêu một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Bé và bà*.  - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***ơ***,*dấu nặng.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa ***ơ***, *dấu nặng*).  - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. | - Học sinh nghe giáo viên giới thiệu tên chủ đề và quan sát chữ ghi tên chủ đề.  - Học sinhtrao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề và tranh chủ đề gợi ra.  - Học sinh nêu được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề như:*bé và bà, vỗ tay, kể, bé, bế, ở…*  - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***ơ***, *dấu nặng* như: *chợ, bơ, nơ, bọ,…*  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa ***ơ***, *dấu nặng*. Từ đó, học sinh phát hiện ra ***ơ***, *dấu nặng*.  - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. |
| **2. Khám phá:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của ***ơ***, *dấu nặng*. Nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các tiếng *bơ*, *cọ*. Viết được chữ ***ơ***, *dấu ghi thanh nặng, số* **6***,* từ có âm chữ ***ơ****, thanh nặng*.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| *a. Nhận diện âm chữ mới:**a.1. Nhận diện âm chữ ơ:* - Giáo viên gắn thẻ chữ ***ơ*** lên bảng.  - Giáo viên giới thiệu chữ ***ơ***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc chữ ***ơ***.  *a.2. Nhận diện* ***thanh nặng****(. )* và *dấu nặng:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nghe và phân biệt *a – ạ, co – cọ, bo – bọ*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa *thanh nặng*.  - Giáo viên viết bảng *dấu nặng (. )*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc tên *dấu nặng*. *b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:**b.1. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếngcó ơ:* - Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng ***bơ*** lên bảng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ***bơ***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng ***bơ***. *b.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếngcó thanh nặng:* - Giáo viên treo tranh *bó* ***cọ*** và gắn mô hình đánh vần tiếng ***cỏ*** lên bảng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ***cọ***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng ***cọ***. *c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:**c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khóa bơ:*- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ *bơ.*- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa *bơ*.- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa *bơ*.*c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khóa cọ:*Tiến hành tương tự như từ khóa *bơ*. | - Học sinh quan sát chữ ***ơ***in thường, in hoa.  - Học sinh đọc chữ ***ơ***.  - Học sinh nghe và phân biệt *a – ạ, co – cọ, bo – bọ*, tìm điểm khác giữa 3 cặp từ vừa nêu: có và không có *thanh nặng*.  - Học sinh nêu: *lọ, họ, mẹ,*…  - Học sinh quan sát *dấu nặng*.  - Học sinh đọc tên *dấu nặng*.  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng ***bơ***.  - Học sinh phân tích tiếng ***bơ***(gồm âm ***b*** và âm ***ơ***).  - Học sinh đánh vần: *bờ-ơ-bơ*.  - Học sinh quan sát tranh và mô hình đánh vần tiếng ***cọ***.  - Học sinh phân tích tiếng ***cọ***(gồm âm *c*, âm *o* và *thanh nặng*).  - Học sinh đánh vần: *cờ-o-co-nặng-cọ*. - Học sinh quan sát từ *bơ* phát hiện từ khóa *bơ* và âm *ơ* trong tiếng *bơ*.- Học sinh đánh vần: *bờ-ơ-bơ*.- Học sinh đọc trơn từ khóa*bơ*. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| ***d. Tập viết:*** d.1. Viết vào bảng con chữ ơ, bơ, cọ và số 6: *- Viết chữ* ***ơ***:  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***ơ***. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***ơ***.  - Học sinh viết chữ ***ơ***vào bảng con. |
| *- Viết chữ* ***bơ****:*  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ ***bơ***(chữ ***b***đứng trước, chữ ***ơ***đứng sau).  *- Viết chữ* ***cọ****:*  Tương tự như viết chữ ***bơ***.  *- Viết số* **6**:  Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc số **6**. Giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số 6.d.2. Viết vào vở tập viết: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết chữ ***ơ, bơ, cọ***và số **6** vào vở Tập viết.  - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ ***bơ***.  - Học sinh viết chữ ***bơ***vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.  - Học sinh đọc số **6**.  - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số **6**.  - Học sinh viết số **6**vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn.  - Học sinh viết chữ ***ơ, bơ, cọ***và số **6**.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng.Đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản; nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ, dấu thanh được học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng:*** |  |
| - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa âm chữ ***ơ*** theo chiều kim đồng hồ.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa ***ơ***, dấu nặng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *bờ*hoặc *bọ, cá cờ*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm chữ ***ơ***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm ơ. | - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa âm chữ ***ơ***(*bờ, bọ, cá cờ*).  - Học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa ***ơ***, dấu nặng.  - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng:*bờ, bọ, cá cờ*.  - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.  - Học sinh tìm thêm chữ ***ơ****, dấu nặng* bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Học sinh nêu, ví dụ: *quả mơ, chợ,…* |
| b. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng: - Giáo viên đọc mẫu.  - Giáo viên nhắc học sinh hình thức chữ ***B*** in hoa.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: “*Ai có bơ?*”, “*Ai có cọ?*”. | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh quan sát và đọc lại chữ hoa ***B***.  - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc: *bơ, cọ*.  - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| 4. Hoạt động mở rộng : *\* Mục tiêu:* Học sinh biết gọi tên vật, nói câu có từ ngữ chứa tên gọi vật đã tìm.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh: *cái nơ, lá cờ, cái lọ (cái bình)*.  - Giáo viên hỏi: *Tranh vẽ những vật gì? Em có thích vật đó không?*  - Nếu học sinh gọi cái “*lọ*” là “*bình*” thì giáo viên giải thích: “*bình*” còn được gọi là “*lọ*”.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh nói trong nhóm, trước lớp câu có từ ngữ chứa tiếng có âm ***ơ***, *thanh nặng*. | - Học sinh quan sát tranh.  - Học sinh trả lời các câu hỏi của giáo viên (*nơ, cờ, lọ*) và phát hiện được nội dung tranh.  - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: gọi tên vật, nói câu có từ ngữ chứa tên gọi vật đã tìm.  - Học sinh nói trong nhóm, trước lớp câu có từ ngữ chứa tiếng có âm ***ơ***, *thanh nặng* như:*Mẹ mua cho em cái nơ màu hồng.* |
| **5. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***ơ****, thanh nặng*.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***ơ****, thanh nặng*.  - Học sinh nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (bài ***ô***). |

***Môn: Đạo đức***

**YÊU THƯƠNG GIA ĐÌNH**

**Bài MÁI ẤM GIA ĐÌNH (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

*Như tiết 1, bài 1 (tuần 1).*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

*Như tiết 1, bài 1 (tuần 1).*

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Hoạt động luyện tập:** |  |
| ***3.1. Hoạt động 1. Xem hình và trả lời câu hỏi (6-7 phút):*** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giúp học sinh nêu được một số biểu hiện của tình yêu thương gia đình (mức cao).  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, đàm thoại.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh liên kết 4 hình để hình dung được câu chuyện: Gia đình bạn Quân gồm bố, mẹ và Quân. Một buổi chiều, trời mưa to khiến bố Quân chưa về nhà được. Mẹ Quân đứng trước cửa nhà, nhìn ra trời mưa, lo lắng cho bố. Tuy còn nhỏ nhưng Quân cũng biết chia sẻ nỗi lo với mẹ và quyết định đợi bố về để cả nhà cùng ăn cơm tối cho đông vui.  - Sau khi học sinh hình dung được câu chuyện, giáo viên hướng dẫn để học sinh phát hiện và xác định ý nghĩa của những cử chỉ, lời nói thể hiện tình yêu thương của những người trong gia đình Quân. Ví dụ:Cử chỉ của mẹ: đứng đợi bố về (yêu thương bố); xoa đầu con (yêu thương con).Cử chỉ của Quân: đến bên mẹ (chia sẻ nỗi lo lắng với mẹ).Lời nói của mẹ: *Bố chưa về* (yêu thương bố); *Con có đói không?* (quan tâm đến con).Lời nói của Quân: *Sao mẹ lo lắng thế ạ?* (quan tâm đến mẹ); *Mình đợi bố về* (quan tâm đến bố). | - Học sinh liên kết 4 hình để hình dung được câu chuyện theo hướng dẫn của giáo viên.  - Học sinhphát hiện và xác định ý nghĩa của những cử chỉ, lời nói thể hiện tình yêu thương của những người trong gia đình Quân. |
| ***3.2. Hoạt động 2. Chia sẻ:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nhận biết được sự cần thiết của tình yêu thương gia đình.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, thuyết trình.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đưa ra nhận định.  - Ở ý thứ hai: *Nếu là bạn Hải, em sẽ làm gì*?, câu trả lờicủa học sinh có thể rất khác nhau. Giáo viên nên động viên, khuyến khích học sinh tự đặt mình vào vị trí của nhân vật Hải trong tình huống để đưa ra cách xử lí của riêng mình, không rập khuôn, máy móc.Giáo viênđưa thêm một số câu hỏi gợi ý để học sinh có thể tiếp tục đưa ra cách xử lí của mình sau khi bạn đã đưa ra cách xử lí của bạn.Ví dụ:Ngoài ý kiến của bạn…, em nào có ý kiến khác?Các em thích ý kiến của bạn… hay ý kiến của bạn…?Các em thấy có thể làm thế này được không?, v…v…  - Giáo viên giúp các em củng cố được yêu cầu cơ bản: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương trong gia đình. | - Học sinh không đồng tình với việc trêu chọc em của bạn Hải.  - Học sinh trả lời câu hỏi “*Nếu là bạn Hải, em sẽ làm gì*?” theo ý mình. |
| ***3.3. Hoạt động 3. Kể chuyện:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh kể lại một việc đã làm thể hiện tình yêu thương đối với ông bà, cha mẹ của mình.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, kể chuyện.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinhhọc sinh kể lại một việc đã làm thể hiện tình yêu thương đối với ông bà, cha mẹ của mình.  - Giáo viên nhận xét, động viên. | - Học sinh chuẩn bị trước ở nhà để phát biểu trong giờ học. |
| **4. Hoạt động thực hành:** |  |
| ***4.1. Hoạt động 1. Sắm vai:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh sắm vai thể hiện 2 tình huống trong sách học sinh.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, sắm vai.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên giới thiệu 2 tình huống:  1) *Khi bố, mẹ đi làm về*;  2) *Khi ông, bà ở quê lên thăm*.  - Giáo viên xây dựng các tình huống tương tự khác như: khi em đi học về; khi bố, mẹ đi làm về muộn; khi em về quê thăm ông bà, v.v.  - Sau khi học sinh thực hiện xong hoạt động sắm vai, giáo viên có thể cho cả lớp nhận xét, đánh giá để biểu dương, rút kinh nghiệm. | - 2-3 học sinh tham gia sắm vài đơn giản về lời nói, động tác, thái độ cần thể hiện trong mỗi tình huống.  - Vài học sinh sắm vai các tình huống tương tự.  - Cả lớp nhận xét, đánh giá để biểu dương, rút kinh nghiệm. |
| ***4.2. Hoạt động 2. Thực hành:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh thực hiện những lời nói, hành động thể hiện tình thương yêu đối với các thành viên trong gia đình qua 3 tình huống trong sách học sinh.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành, kể chuyện.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên giới thiệu 3 tình huống trong sách học sinh.  - Để mở rộng phạm vi thực hành, giáo viên cần nhắc lại những kiến thức đã học trong bài (ví dụ: câu b của mục *Chia sẻ*: *Kể thêm một số việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình*), giúp học sinh có thêm cơ sở vận dụng hiệu quả bài học vào thực tế cuộc sống. | - Học sinh kể theo 3 tình huống.  - Học sinh thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên. |
| **5. Hoạt động nối tiếp sau bài học:** |  |
| Kết thúc bài học, giáo viên cho học sinh học thuộc lòng câu: *Gia đình là nơi bắt đầu của mọi yêu thương*; chuẩn bị bài sau. | Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1 tuần 02***

**CHỦ ĐỀ 2: BÉ VÀ BÀ**

ĩ

**BÀI 2: Ô *ô* dấu ngã (***~***) (tiết 3-4, sách học sinh, trang 22-23)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa ***ô****, ~* (*cỗ, tô, thố, rổ; đũa, đĩa, nĩa,…*).

**-** Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của ***ô****, ~* ; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các tiếng *cô, cỗ*.Viết được chữ ***ô****, dấu ghi thanh ngã, số* **7**và tiếng, từ có ***ô****, ~* (*cỗ*)*.*Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ, dấu thanh được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.Hát được hát bài *Em tập lái ô tô*.

**-** Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

**-** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ chữ ***Ô ô*** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh hoạ kèm theo thẻ từ (*cỗ, tô, thố, rổ; đũa, đĩa, nĩa,…*); tranh chủ đề.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa ***ô****, thanh ngã*.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát tập thể bài “Đi câu cá”.  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Truyền điện*”. Giáo viên yêu cầu học sinh nói, viết, đọc chữ ***ơ***; nói câu có từ ***ơ***, hoặc câu có tiếng chứa âm ***ơ*** (*bờ, cọ*; nói câu có *bờ, cọ*).  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 22. |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***ô***,*dấu ngã.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa ***ô***, *dấu ngã*).  - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. | - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***ô***, *dấu ngã* như: *nấu cỗ, tô, cá rô, cá hố, rổ, đỗ* (đậu)*, đĩa, nĩa, muỗng*,...  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa ***ô***, *dấu ngã*. Từ đó, học sinh phát hiện ra ***ô***, *dấu ngã*.  - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. |
| **2. Khám phá:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của ***ô****, ~* ; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các tiếng *cô, cỗ*.Viết được chữ ***ô****, dấu ghi thanh ngã, số* **7**và tiếng, từ có ***ô****, ~* (*cỗ*).  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| *a. Nhận diện âm chữ mới:**a.1. Nhận diện âm chữ ô:* - Giáo viên gắn thẻ chữ ***ô*** lên bảng.  - Giáo viên giới thiệu chữ ***ô***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc chữ ***ô***.  *a.2. Nhận diện* ***thanh ngã*** *(****~****)* và *dấu ngã:*  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nghe và phân biệt *cô – cỗ, ba – bã, bo – bõ*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa *thanh ngã*.  - Giáo viên viết bảng *dấu ngã(****~****)*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc tên *dấu ngã*. *b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:**b.1. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có ô:* - Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng ***cô*** lên bảng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ***cô***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng ***cô***. *b.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có thanh ngã:* - Giáo viên treo tranh *bó* ***cỗ*** và gắn mô hình đánh vần tiếng ***cỏ*** lên bảng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ***cỗ***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng ***cỗ***. *c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:**c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khóa cô:*- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ *cô.*- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa *cô*.- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa *cô*.*c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khóa cỗ:*Tiến hành tương tự như từ khóa *cô*. | - Học sinh quan sát chữ ***ô***in thường, in hoa.  - Học sinh đọc chữ ***ô***.  - Học sinh nghe và phân biệt *cô – cỗ, ba – bã, bo – bõ*, tìm điểm khác giữa 3 cặp từ vừa nêu: có và không có *thanh ngã*.  - Học sinh nêu: *muỗng, đĩa, nĩa, dĩa, ngỗng, muỗi*…  - Học sinh quan sát *dấu ngã*.  - Học sinh đọc tên *dấu ngã*.  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng ***cô***.  - Học sinh phân tích tiếng ***cô***(gồm âm ***c*** và âm ***ô***).  - Học sinh đánh vần: *cờ-ô-cô*.  - Học sinh quan sát tranh và mô hình đánh vần tiếng ***cỗ***.  - Học sinh phân tích tiếng ***cỗ***(gồm âm *c*, âm *ô* và *thanh ngã*).  - Học sinh đánh vần: *cờ-ô-cô-ngã-cỗ*. - Học sinh quan sát từ *cô* phát hiện từ khóa *cô* và âm *ô* trong tiếng *cô*.- Học sinh đánh vần: *cờ-ô-cô*.- Học sinh đọc trơn từ khóa*cô*. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| ***d. Tập viết:*** d.1. Viết vào bảng con chữ ô, cỗ vàsố 7: *- Viết chữ* ***ô***:  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***ô***. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***ô***.  - Học sinh viết chữ ***ô***vào bảng con. |
| *- Viết chữ* ***cỗ****:*  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ ***cỗ***(chữ ***c***đứng trước, chữ ***ô***đứng sau, dấu ghi *thanh ngã* trên chữ ***ô***).  *- Viết số* **7**:  Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc số **7**. Giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số 7.d.2. Viết vào vở tập viết: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết chữ ***ô, cỗ***và số **7** vào vở Tập viết.  - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ ***cỗ***.  - Học sinh viết chữ ***cỗ***vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.  - Học sinh đọc số **7**.  - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số **7**.  - Học sinh viết số **7**vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn.  - Học sinh viết chữ ***ô, cỗ***và số **7**.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Luyện tập :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ, dấu thanh được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng:*** |  |
| - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa âm chữ ***ô***, *dấu ngã*.  - Giáo viênhướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa ***ô***, dấu ngã.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *cô*hoặc *cổ, bố*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm chữ ***ô***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm ô, dấu ngã. | - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa âm chữ ***ô****, dấu ngã*(*cô, cổ, bố*).  - Học sinhđánh vần và đọc trơn các từ: *cô, cổ, bố*.  - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng:*cô, cổ, bố*.  - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.  - Học sinh tìm thêm chữ ***ô****, dấu ngã* bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Học sinh nêu, ví dụ: *ô tô, ngô, vỗ, chỗ,…* |
| b. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng: - Giáo viên đọc mẫu.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:Ai có cỗ?Cỗ của ai? | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc: *cỗ*.  - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: Bà có cỗ. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| 4. Hoạt động mở rộng: *\* Mục tiêu:* Học sinh biết gọi tên vật, nói câu có từ ngữ chứa tên gọi vật đã tìm.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh.  - Giáo viên hỏi: *Tranh vẽ những ai?, Các bạn nhỏ đang làm gì? Những nốt nhạc và tranh hai bạn nhỏ gợi bài hát gì có âm ô mà con đã học?*  - Nếu học sinh gọi “*ô tô*” là “*xe hơi*” thì giáo viên giải thích: “*xe hơi*” còn được gọi là “*ô tô*”.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh nói, hát trong nhóm, trước lớp bài “Em tập lái ô tô”. | - Học sinh quan sát tranh.  - Học sinh trả lời các câu hỏi của giáo viênvà phát hiện được nội dung tranh.  - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: hát bài *Em tập lái ô tô*.  - Học sinh nói, hát trong nhóm, trước lớp (kết hợp động tác lái xe): *Pí po pí pô… Em tập lái ô tô…*. |
| **5. Hoạt động nối tiếp:**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***ô****, thanh ngã*.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***ô****, thanh ngã*.  - Học sinh nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (bài ***v***). |

***Toán***

**LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH**

**KHỐI HỘP CHỮ NHẬT - KHỐI LẬP PHƯƠNG(sách học sinh, trang 14-15)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Nhận biết khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

**-** Nhận dạng, gọi tên khối hộp chữ nhật, khối lập phương thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật có trong cuộc sống.Sử dụng bộ đồ dùng học tập môn Toán để nhận dạng hình khối hộp chữ nhật - khối lập phương thông qua việc ghép đôi mô hình với vật thật.

**- Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

**-** Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; mô hình mẫu có dạng khối hộp chữ nhật (3 hình) và khối lập phương (3 hình) (có màu sắc, chất liệu và độ lớn khác nhau); ...

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; 5 khối lập phương, 5 khối hộp chữ nhật, 2 hộp (sữa, bánh, kẹo,…) có dạng khối hộp chữ nhật và khối lập phương, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| Giáo viên yêu cầu học sinh ghép 1 khối lập phương và 1 khối hộp chữ nhật với nhau, để ôn tập về vị trí: trái – phải, trên – dưới. | - Học sinhghép 1 khối vuông và 1 khối chữ nhật với nhau theo yêu cầu của giáo viên. |
| **2. Khám phá:** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giúp học sinh nhận dạng, gọi tên khối hộp chữ nhật, khối lập phương thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật có trong cuộc sống.Sử dụng bộ đồ dùng học tập môn Toán để nhận dạng hình khối hộp chữ nhật - khối lập phương thông qua việc ghép đôi mô hình với vật thật.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***Nhận dạng khối hộp chữ nhật - khối lập phương:***  - Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm 4, dùng các vỏ hộp đã sưu tầm.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh xếp nhóm đồ vật theo dạng khối chữ nhật và khối vuông.  - Giáo viên dùng các mô hình khối hộp chữ nhật đặt ở các vị trí khác nhau rồi giới thiệu: Đây là các khối hộp chữ nhật.  - Giáo viênlàm tương tự với khối lập phương.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh gọi tên các đồ vật. Ví dụ: hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật, xúc xắc có dạng khối lập phương,….  - Giáo viên hướng dẫn học sinh dùng sách học sinh trang 14, chỉ vào các hình vẽ khối hộp chữ nhật, khối lập phương ở phần bài học và gọi tên. | - Học sinh hoạt động nhóm 4, dùng các vỏ hộp đã sưu tầm.  - Học sinh xếp nhóm đồ vật theo dạng khối chữ nhật và khối vuông.  - Học sinh gọi tên.  - Học sinh lắng nghe và quan sát.  - Học sinh gọi tên các đồ vật. Ví dụ: hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật, xúc xắc có dạng khối lập phương,….  - Học sinh dùng sách học sinh trang 14, chỉ vào các hình vẽ khối hộp chữ nhật, khối lập phương ở phần bài học và gọi tên. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| ***3. Thực hành :***  - Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm đôi.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh dùng 5 khối lập phương và 5 khối hộp chữ nhật rồi chơi.  - Giáo viênđặt câu hỏi - học sinh trả lời và đặt hình khối tương ứng vào đồ dùng trong tranh.  + Giáo viên hỏi: Cái giường có dạng gì?  + Giáo viên yêu cầu học sinh đặt khối hộp chữ nhật vào hình cái giường và nói: “Cái giường khối hộp chữ nhật.”  - Giáo viên hướng dẫn học sinh luân phiên chơi lần lượt với những đồ vật khác ở trong tranh (mỗi đồ vật đều được đặt một khối lập phương hoặc một khối hộp chữ nhật, mỗi loại có 5 hình. | - Học sinh hoạt động nhóm đôi.  - Học sinh dùng 5 khối lập phương và 5 khối hộp chữ nhật (như sách học sinh trang 15) rồi chơi.  + Học sinh trả lời: Cái giường có dạng khối hộp chữ nhật.  + Học sinh đặt khối hộp chữ nhật vào hình cái giường và nói: “Cái giường khối hộp chữ nhật.”  - Học sinh luân phiên chơi lần lượt với những đồ vật khác ở trong tranh (mỗi đồ vật đều được đặt một khối lập phương hoặc một khối hộp chữ nhật, mỗi loại có 5 hình. |
| 4. Vận dụng : |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng các khối đã dùng ở bài 1 để xếp dãy hình theo bài 2 sách học sinh trang 15 rồi nói thứ tự các hình được sắp xếp (quy luật). Ví dụ: khối hộp chữ nhật – khối lập phương – khối hộp chữ nhật.  - Giáo viên giới thiệu: Các khối hộp chữ nhật và khối lập phương được sắp xếp xen kẽ nhau. | - Học sinhthực hiện.  - Học sinh lắng nghe. |

***Tự nhiên và Xã hội***

**GIA ĐÌNH**

**BÀI 2: SINH HOẠT TRONG GIA ĐÌNH (tiết 1, sách học sinh, trang 12-13)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Nêu được các công việc ở nhà.

**-** Làm được một số việc nhà phù hợp với khả năng của mình.

**- Năng lực chú trọng**: Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Phẩm chất**: Hình thành tình cảm yêu quý, trân trọng gia đình; tham gia các công việc gia đình vừa sức với bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Tự nhiên và Xã hội; các tranh trong bài 2 sách học sinh (phóng to), một số dụng cụ để làm việc nhà như: chổi, khăn lau bàn, hốt rác,… phiếu nhận xét của cha mẹ học sinh.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo hứng thú và khơi gợi vốn hiểu biết sẵn có của học sinh về các công việc ở nhà, từ đó dẫn dắt vào bài mới.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên tổ chức dưới hình thức trò chơi “Đối đáp”.  - Giáo viên phổ biến luật chơi: chia lớp thành 2 đội. Sau khi giáo viên đưa ra yêu cầu “Kể những việc nhà mà con có thể làm.”, mỗi đội sẽ lần lượt nêu tên một công việc nhà. Tiếp tục chơi như vậy đến khi đội nào không nêu được, đội còn lại sẽ dành phần thắng.  - Giáo viên nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học “Sinh hoạt trong gia đình”. | - Học sinh tham gia trò chơi. |
| **2.Khám phá :** |  |
|  |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nêu được các công việc ở nhà.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm gồm 4 học sinh, yêu cầu các nhóm quan sát tranh và trả lời câu hỏi “An và mọi người trong gia đình cùng nhau làm những việc gì khi ở nhà?”.  - Giáo viên tổ chức cho các nhóm chia sẻ câu trả lời trước lớp.  - Giáo viên nêu câu hỏi mở rộng thêm: *Em thấy bạn An là một cô bé như thế nào?*  - Giáo viên yêu cầu học sinh liên hệ những việc làm giống An mà bản thân đã làm được “Em đã làm những việc nào giống bạn An?”. Từ đó, giáo viên giáo dục các em yêu thích và tự giác làm những công việc nhà vừa sức với mình. | - Các nhóm quan sát tranh và trả lời: Tranh 1: An cùng chị Hà rửa bát. Tranh 2: An nhặt rau cùng bố. Tranh 3: An cùng bố dọn cơm. Tranh 4: An giúp mẹ thu quần áo bẩn để giặt. Tranh 5: An cùng gia đình lau dọn nhà cửa.  - Các nhóm chia sẻ câu trả lời trước lớp.  - Học sinh trả lời: An là một cô bé chăm ngoan, ngoài việc học ở trường còn biết phụ giúp gia đình làm việc nhà.  - Học sinh liên hệ những việc làm giống An mà bản thân đã làm được.  - Học sinh rút ra kết luận: Việc nhà cần có sự chung tay của tất cả các thành viên trong gia đình. |
| ***3. Liên hệ và thực hành làm việc nhà (15 phút):*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nêu được ví dụ về bản thân và các thành viên trong gia đình làm công việc nhà.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* vấn đáp, gợi mở.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: *Ở nhà em thường làm những việc gì?*  - Giáo viên gợi mở để các em kể những việc đã cùng làm với các thành viên trong gia đình. Trường hợp học sinh chưa từng làm việc nhà, giáo viên cũng không nên đánh giá mà hướng dẫn và giúp các em hình thành ý thức làm việc nhà.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh cách thực hiện một số việc nhà đơn giản như: quét nhà, gấp quần áo, bày dọn bát đũa,…  - Giáo viên và học sinh cùng nhận xét và rút ra kết luận. | - Học sinh kể những việc đã cùng làm với các thành viên trong gia đình.    - Học sinh chọn công việc nhà mình thích và thực hành theo nhóm.  - Học sinh nhận xét và rút ra kết luận: Em và mọi người trong gia đình cùng nhau làm việc nhà. |
| 4. Hoạt động tiếp nối sau bài học : |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh về tự giác làm một số việc nhà vừa sức và nhờ cha mẹ nhận xét (Cha mẹ học sinh nhận xét bằng nhiều hình thức như: phiếu nhận xét, cổng thông tin điện tử,... Giáo viên nhận xét, tuyên dương các em ở đầu tiết học sau hoặc trong tiết sinh hoạt chủ nhiệm). | - Học sinh về nhà thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên. |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt***

**CHỦ ĐỀ 2: BÉ VÀ BÀ**

**BÀI 3: V *v* (tiết 5-6, sách học sinh, trang 24-25)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa ***v*** (*vẽ, ve, vỗ, voi, về, vở,…*).

**-** Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của ***v***; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn tiếng *vở*. Viết được chữ ***v****, số* **8**và tiếng, từ có ***v***(*vở*)*.*Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ, dấu thanh được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.Nói, hát bài “Một con vịt”.

**-** học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

**-** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ chữ ***V v*** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh hoạ kèm theo thẻ từ (*vẽ, ve, vỗ, voi, về, vở,…*); tranh chủ đề.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa ***v***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát tập thể bài “Em tập lái ô tô”.  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Nhanh như chớp*”. Giáo viên yêu cầu học sinh nói, viết, đọc chữ hoặc câu có tiếng chứa âm ***ô****, dấu ngã* (*cô, cỗ*; nói câu có *cô, cỗ*).  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 24. |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***v****.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa ***v***).  - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. | - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***v*** như: *vở, vẽ voi, vỗ tay cổ vũ chị, …*  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa ***v***. Từ đó, học sinh phát hiện ra ***v***.  - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. |
| **2. Khám phá :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của ***v***; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn tiếng *vở*.Viết được chữ ***v****, số* **8**và tiếng, từ có ***v***(*vở*).  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| *a. Nhận diện âm chữ mới:* - Giáo viên gắn thẻ chữ ***v*** lên bảng.  - Giáo viên giới thiệu chữ ***v***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc chữ ***v***. *b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:* - Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng ***vở*** lên bảng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ***vở***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng ***vở***. *c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:*- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ *vở.*- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa *vở*.- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa *vở*. | - Học sinh quan sát chữ ***v***in thường, in hoa.  - Học sinh đọc chữ ***v***.  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng ***vở***.  - Học sinh phân tích tiếng ***vở***(gồm âm ***v*** và âm ***ơ***và *thanh hỏi*).  - Học sinh đánh vần: *vờ-ơ-vơ-hỏi-vở*. - Học sinh quan sát từ *vở* phát hiện từ khóa *vở* và âm *v* trong tiếng *vở*.- Học sinh đánh vần: *vờ-ơ-vơ-hỏi-vở.*- Học sinh đọc trơn từ khóa*vở*. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| ***d. Tập viết:*** d.1. Viết vào bảng con chữ v, vởvàsố 8: *- Viết chữ* ***v***:  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***v***. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***v***.  - Học sinh viết chữ ***v***vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. |
| *- Viết chữ* ***vở****:*  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ ***vở***(chữ ***v***đứng trước, chữ ***ơ***đứng sau, dấu ghi *thanh hỏi* trên chữ ***ơ***).  *- Viết số* **8**:  Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc số **8**. Giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số 8.d.2. Viết vào vở tập viết: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết chữ ***v, vở***và số **8** vào vở Tập viết.  - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ ***vở***.  - Học sinh viết chữ ***vở***vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.  - Học sinh đọc số **8**.  - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số **8**.  - Học sinh viết số **8**vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn.  - Học sinh viết chữ ***v, vở***và số **8**.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Luyện tập :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ, dấu thanh được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng:*** |  |
| - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa ***v***.  - Giáo viênhướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa ***v***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *vỡ*hoặc *vỗ, võ, vỏ*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm chữ ***v***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm v.- Giáo viên nêu một vài ví dụ để hướng dẫn học sinh phân biệt giữa v và d: va/da; vo/do; ve/de; … | - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa ***v***(*vỡ, vỗ, võ, vỏ*).  - Học sinhđánh vần và đọc trơn các từ: *vỡ, vỗ, võ, vỏ*.  - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng:*vỡ, vỗ, võ, vỏ*.  - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.  - Học sinh tìm thêm chữ ***v*** bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Học sinh nêu, ví dụ: *ve, vó, về,…*  - Học sinh theo dõi, phân biệt. |
| b. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng: - Giáo viên đọc mẫu: *Bo có vở*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: Ai có vở? Vở của ai? | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc: *vở*.  - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Bo có vở*. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| 4. Hoạt động mở rộng : *\* Mục tiêu:* Học sinh biết nói, hát bài có cụm từ con vịt như bài “Một con vịt”.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh.  - Giáo viên hỏi: *Tranh vẽ những gì?, Con vịt đang làm gì? Bức tranh con vịt gợi bài hát gì có âm* ***v*** *mà con đã học?*  - Giáo viên tổ chức cho học sinh nói, hát trong nhóm, trước lớp bài “*Một con vịt*”. | - Học sinh quan sát tranh.  - Học sinh trả lời các câu hỏi của giáo viênvà phát hiện được nội dung tranh.  - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: hát bài *Một con vịt*.  - Học sinh nói, hát trong nhóm, trước lớp (kết hợp động tác múa): *Một con vịt xòe ra hai cái cánh…*. |
| **5. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***v***.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***v***.  - Học sinh nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (bài ***e, ê***). |

***Toán***

**LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH**

**HÌNH TRÒN – HÌNH TAM GIÁC HÌNH VUÔNG – HÌNH CHỮ NHẬT**

**(sách học sinh, trang 16-17)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Nhận biết được các hình: hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.

**-** Nhận dạng và gọi đúng tên hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật. Làm quen việc phân loại, sắp xếp các hình theo các cách khác nhau, sử dụng đúng các thuật ngữ: hình dạng, màu sắc. Làm quen với việc xếp hình.

**- Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

**- Phẩm chất**: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; các hình mẫu (như sách học sinh trang 16), 3 hộp sữa – hộp bánh (kẹo) hình khối trụ, khối hộp chữ nhật, khối lập phương; ...

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên làm mẫu: Vòng tay lên đầu và nói: “tròn”.  Vòng tay lên mặt bàn và nói: “tam giác”. | - Học sinh vận động theo hiệu lệnh của giáo viên. |
| **2. Khám phá :** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giúp học sinh nhận dạng và gọi đúng tên hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật; làm quen việc phân loại, sắp xếp các hình theo các cách khác nhau, sử dụng đúng các thuật ngữ: hình dạng, màu sắc. Làm quen với việc xếp hình.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| ***Giới thiệu hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật:***  - Giáo viên dùng các mô hình để giới thiệu: hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.  - Giáo viên yêu cầu học sinh dùng sách học sinh trang 16 để nhận dạng các hình, gọi tên các hình.  3. Thực hành  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm trong thực tế các hình có dạng hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm ở các dạng hình khối các hình có dạng hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.Ví dụ: | - Học sinh lắng nghe, quan sát và ghi nhận.  - Học sinh dùng sách học sinh trang 16 để nhận dạng các hình, gọi tên các hình..  - Học sinh nêu:  + Huy hiệu, đĩa,… có dạng hình tròn.  + Cờ thi đua, biển báo giao thông,…có dạng hình tam giác.  + Đồng hồ, bức tranh, … có dạng hình vuông.  + Bảng lớp, cửa ra vào,… có dạng hình chữ nhật.  - Học sinh nêu:  + Trái cam xẻ đôi, khúc mía chặt ngang, vành nón lá,… có dạng hình tròn.  + Mái nhà, kim tự tháp,… có dạng hình tam giác.  + Khối rubik (đã xoay màu hoàn chỉnh), xúc xắc,… có dạng hình vuông.  + Vỏ hộp sữa, quyển sách dày,…có dạng hình chữ nhật. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| ***4. Vận dụng:***  - Giáo viên sử dụng bộ xếp hình hướng dẫn học sinh phân loại theo hình dạng.  - Giáo viên giới thiệu hai hình thức phân loại: màu sắc, hình dạng. | - Học sinhsử dụng bộ xếp hình và phân loại các hình theo hình dạng.  - Học sinhnhìn hình vẽ, nói được cách phân loại. |
| **5. Hoạt động nối tiếp:** |  |
| *\* Mục tiêu:*Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Tự học.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinhdùng bộ xếp hình để phân loại các hình cho người thân xem; kể cho người thân các vật có dạng hình mới học. | **-** Học sinh dùng bộ xếp hình để phân loại các hình cho người thân xem; kể cho người thân các vật có dạng hình mới học. |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt***

**CHỦ ĐỀ 2: BÉ VÀ BÀ**

**BÀI 4: E *e* Ê *ê* (tiết 7-8, sách học sinh, trang 26-27)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa ***e****,* ***ê***(*vẽ*, *ghẹ*, *xe, xếp hình, kệ sách, quả lê*, *khế,…*).

**-** Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của ***e****,* ***ê***; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các tiếng *bé, bế*.Viết được các chữ ***e****,* ***ê***, số **9** và các tiếng, từ có ***e****,* ***ê***(*bé, bế*). Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ ***e****,* ***ê***, dấu thanh được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.Nói về những vật em biết.

**-** Yêu thích môn học; biết dùng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**- Năng lực**: Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ chữ ***E e Ê ê*** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh hoạ kèm theo thẻ từ (*vẽ*, *ghẹ*, *xe, xếp hình, kệ sách, quả lê*, *khế,…*); tranh chủ đề.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa ***e, ê***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát tập thể bài “*Một con vịt*”.  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Truyền điện*”. Giáo viên yêu cầu học sinh nói, viết, đọc chữ hoặc câu có tiếng chứa âm ***v*** (*vẽ, vở*).  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 26. |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***e, ê****.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa ***e, ê***).  - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. | - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa ***e, ê*** như: *vẽ*, *ghẹ*, *xe, xếp hình, kệ sách, quả lê*, *khế, …*  - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa ***e, ê***. Từ đó, học sinh phát hiện ra ***e, ê***.  - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. |
| **2. Khám phá (23-25 phút):**  *\* Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của ***e****,* ***ê***; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các tiếng *bé, bế*.Viết được các chữ ***e****,* ***ê***, số **9** và các tiếng, từ có ***e****,* ***ê***.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| *a. Nhận diện âm chữ mới:* *a.1. Nhận diện âm và chữ* ***e****:*  - Giáo viên gắn thẻ chữ ***e*** lên bảng.  - Giáo viên giới thiệu chữ ***e***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc chữ ***e***.  *a.2. Nhận diện âm và chữ* ***ê****:*  Tiến hành tương tự như với âm và chữ ***e***. *b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:* *b.1.Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ* ***e***:  - Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng ***bé*** lên bảng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ***bé***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng ***bé***.  *b.2.Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ* ***ê***:  - Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng ***bế*** lên bảng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng ***bế***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng ***bế***. *c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:**c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoábé*:- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ *bé.*- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa *bé*.- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa *bé*.*c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoábế*:Thực hiện tương tự như từ khóa *bé*. | - Học sinh quan sát chữ ***e***in thường, in hoa.  - Học sinh đọc chữ ***e***.  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng ***bé***.  - Học sinh phân tích tiếng ***bé***(gồm âm ***b*** và âm ***e***và *thanh sắc*).  - Học sinh đánh vần: *bờ-e-be-sắc-bé*.  - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng ***bế***.  - Học sinh phân tích tiếng ***bế***(gồm âm ***b*** và âm ***ê***và *thanh sắc*).  - Học sinh đánh vần: *bờ-ê-bê-sắc-bế*. - Học sinh quan sát từ *bé* phát hiện từ khóa *bé*và âm *e* trong tiếng *bé*.- Học sinh đánh vần: *bờ-e-be-sắc-bé.*- Học sinh đọc trơn từ khóa*bé*. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| ***d. Tập viết:*** d.1. Viết vào bảng con chữ e, bé, ê, bếvàsố 9: *- Viết chữ* ***e***:  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***e***. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ ***e***.  - Học sinh viết chữ ***e***vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. |
| *- Viết chữ* ***bé****:*  Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ ***bé***(chữ ***b***đứng trước, chữ ***e***đứng sau, dấu ghi *thanh sắc* trên chữ ***e***).    *- Viết chữ* ***ê*** *và chữ* ***bế****:*  Tiến hành tương tự như viết chữ ***e*** và chữ ***bé***.  *- Viết số* **9**:  Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc số **9**. Giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số 9.d.2. Viết vào vở tập viết: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết chữ ***e, bé, ê, bế***và số **9** vào vở Tập viết.  - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu. | - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ ***bé***.  - Học sinh viết chữ ***bé***vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.  - Học sinh đọc số **9**.  - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số **9**.  - Học sinh viết số **9**vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn.  - Học sinh viết chữ ***e, bé, ê, bế***và số **9**.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Luyện tập thực hành:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản.Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ ***e****,* ***ê***, dấu thanh được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng:*** |  |
| - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa ***e, ê***.  - Giáo viênhướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa ***e, ê***.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *vỡ*hoặc *vỗ, võ, vỏ*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm chữ ***e, ê***bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa e, ê. | - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa ***e, ê***(*vẽ, bê, vé*).  - Học sinhđánh vần và đọc trơn các từ: *vẽ, bê, vé*.  - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng:*vẽ, bê, vé*.  - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.  - Học sinh tìm thêm chữ ***e, ê*** bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.  - Học sinh nêu, ví dụ: bẹ, bè, bẻ, bể, bệ, bề bề,… |
| b. Đánh vần và đọc câu ứng dụng: - Giáo viên đọc mẫu: *Bà bế bé*.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:Ai bế bé?Bà làm gì? | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc: *bế, bé*.  - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - Học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Bà bế bé*. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| 4. Vận dụng : *\* Mục tiêu:* Học sinh biết nói về những vật em biết.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh.  - Giáo viên hỏi: *Tranh vẽ những gì? Màu sắc, hình dáng như thế nào?, Con thích hay không? Vì sao?*  - Giáo viên tổ chức cho học sinh nóitrong nhóm, trước lớp dưới dạng hỏi đáp theo các nội dung như: *Đó là gì? Màu sắc, hình dáng thế nào? Bạn có thích không? Vì sao?* | - Học sinh quan sát tranh.  - Học sinh trả lời các câu hỏi của giáo viênvà phát hiện được nội dung tranh.  - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: nói về những vật em biết.  - Học sinh nói về *xe, chú hề, quả me, …* |
| **4. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***v***.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***e, ê***.  - Học sinh nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (Thực hành) |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt***

**THỰC HÀNH (tiết 9 – Ngoài sách học sinh)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Ôn lại kiến thức về các âm chữ chữ ơ, *., ô, ~, v, e, ê*.

**-** Kể đúng, đọc đúng các âm chữ chữ ơ, *., ô, ~, v, e, ê*.Nhận diện đúng âm chữ được học trong tiếng, từ. Đánh vần tiếng có âm chữ được học và đọc câu ứng dụng. Hiểu được nghĩa của câu đã đọc ở mức độ đơn giản.

**- Năng lực**: Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Một số thẻ từ, câu*;* bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, vở Bài tập Tiếng Việt tập 1; viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh kể đúng, đọc đúng các âm chữ chữ ơ, *., ô, ~, v, e, ê*. Nhận diện đúng âm chữ được học trong tiếng, từ. Đánh vần tiếng có âm chữ được học và đọc câu ứng dụng. Hiểu được nghĩa của câu đã đọc ở mức độ đơn giản.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Ai làm đúng?*”. Quản tròyêu cầu các bạnđọc, viết, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ, dấu thanh đã học (thuộc chủ đề “Bé và bà”). |  |
| ***a. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ:***  - Giáo viên đọc các câu: *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm các tiếng có âm chữ mới học có trong câu*Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh đánh vần các tiếng đó.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo các mức độ phát triển kĩ năng đánh vần.  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc trơn tiếng, từ chứa vần mới được học trong tuần.  ***b. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc:***  - Giáo viên đọc mẫu các câu: *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thành tiếng câu, đoạn: *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu nghĩa của câu*Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.* bằng các câu hỏi gợi mở:  + Bố vẽ con gì?  + Bé vẽ con gì?  - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện bài tập nối vế câu.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn. | - Học sinh lắng nghe giáo viên đọc.  - Học sinh tìm các tiếng có âm chữ mới học: *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Học sinh đánh vần các tiếng *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Học sinh đọc trơn tiếng, từ chứa vần mới được học trong tuần.  - Học sinh lắng nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh đọc thành tiếng câu: *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Học sinh trả lời các câu hỏi.  - Học sinh hiểu được nghĩa của câu*Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Học sinh thực hiện bài tập nối vế câu.  - Học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| **2. Luyện tập thực hành các âm chữ mới:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh thực hiện được các bài tập trong vở bài tập.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát các kí hiệu dùng trong vở bài tập.  - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện bài tập: Nối sơ đồ, nối chữ, chọn từ đúng, điền phụ âm đầu,…trong vở bài tập. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn. | - Học sinh quan sát các kí hiệu dùng trong vở bài tập: kí hiệu nối, chọn, điền…  - Học sinh thực hiện bài tập trong vở bài tập. - Học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn; tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả. |
| **3. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có âm chữ đã học.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có âm chữ mà học sinh thường mắc lỗi khi đọc viết, ví dụ: *vỏ – võ, vở – vỡ, cổ – cỗ,..*.  - Học sinh chuẩn bị cho bài mới (Bài *Ôn tập và kể chuyện*). |

***Toán***

**LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH**

**HÌNH TRÒN – HÌNH TAM GIÁC HÌNH VUÔNG – HÌNH CHỮ NHẬT**

**(sách học sinh, trang 18-19)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**-** Nhận biết được các hình: hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.

**-** Nhận dạng và gọi đúng tên hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật. Làm quen việc phân loại, sắp xếp các hình theo các cách khác nhau, sử dụng đúng các thuật ngữ: hình dạng, màu sắc. Làm quen với việc xếp hình.

**- Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

**- Phẩm chất**: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; các hình mẫu (như sách học sinh trang 16), 3 hộp sữa – hộp bánh (kẹo) hình khối trụ, khối hộp chữ nhật, khối lập phương; ...

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên làm mẫu: Vòng tay lên đầu và nói: “tròn”.  Vòng tay lên mặt bàn và nói: “tam giác”. | - Học sinh vận động theo hiệu lệnh của giáo viên. |
| **2. Khám phá :** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giúp học sinh làm tốt các bài tập trong sách học sinh.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh làm việc theo nhóm đôi (chú trọng phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh).  **a. Bài 1. Tìm các vật có dạng hình tròn:**  - Giáo viên giúp học sinh gọi tên các đồ vật có hình tròn trong hình.  - Sau khi xác định đủ các vật có hình tròn, giáo viên cho học sinh xác định hình dạng của các vật còn lại. | - Học sinh làm việc theo nhóm đôi, chỉ vào tranh vẽ rồi tập nói theo yêu cầu của từng bài tập. **a. Bài 1:** - Học sinh gọi tên các đồ vật có hình tròn trong hình. Ví dụ: ông mặt trời hình tròn,…  - Học sinh xác định hình dạng của các vật còn lại. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| **b. Bài 2. Tìm các vật có dạng hình chữ nhật:**  - Giáo viên giúp học sinh gọi tên các đồ vật có hình chữ nhật trong hình.  - Sau khi xác định đủ các vật có hình chữ nhật, giáo viên cho học sinh xác định hình dạng của các vật còn lại. | **b. Bài 2:**  - Học sinh gọi tên các đồ vật có hình chữ nhật trong hình. Ví dụ: bìa thư, thước kẻ,…  - Học sinh xác định hình dạng của các vật còn lại. |
| **3. Thực hành:**  - Tìm hiểu bài: giáo viên làm theo trình tự sau:  + Hướng dẫn học sinh nêu yêu cầu của bài.  + Tại sao lại chọn hình tròn màu vàng?  + Ở hàng đầu còn hình tròn nào nữa không?  - Giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào hình mẫu ở mỗi hàng để tìm đủ hình.  - Giáo viên lưu ý học sinh, để biết một hình là vuông hay chữ nhật, ta xoay hình đó (nếu là vuông, xoay thế nào cũng vẫn vuông!). | **c. Bài 3:**  - Học sinh nêu: Tìm hình theo hình mẫu.  + Vì hình mẫu màu đỏ là hình tròn.  + Chọn thêm hình tròn màu hồng.  - Học sinh dựa vào hình mẫu ở mỗi hàng để tìm đủ hình.  - Học sinh quan sát và lắng nghe. |
| 4. Vận dụng: |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát chiếc xe tải (như sách học sinh trang 19):  - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, nhận biết các bộ phận cần xếp của xe: thùng xe, đầu xe, bánh xe. | - Học sinh quan sát hình.  - Học sinh nhận biết hình dạng các bộ phận của xe, suy nghĩ và tự quyết định cách chọn các hình có trong bộ thiết bị học toán để xếp xe. |
| **5. Hoạt động nối tiếp:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Tự học.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinhnhận biết hình dạng các bộ phận của xe, suy nghĩ và tự quyết định cách chọn các hình có trong bộ thiết bị học toán để xếp xe. | Học sinh nhận biết hình dạng các bộ phận của xe, suy nghĩ và tự quyết định cách chọn các hình có trong bộ thiết bị học toán để xếp xe. |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1 tuần 02***

**CHỦ ĐỀ 2: BÉ VÀ BÀ**

**BÀI 5: Ôn tập (tiết 10-11, sách học sinh, trang 28-29)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Củng cố được các âm chữ, dấu ghi thanh ơ, *., ô, ~, v, e, ê*.

**-** Sử dụng được các âm chữ đã học trong tuần để tạo tiếng mới.Đánh vần và đọc đúng câu ứng dụng.Viết được cụm từ ứng dụng và số 0; mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề “*Bé và bà”.*

**- Năng lực**: Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.

**- Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Thẻ các chữ ơ, ***.****, ô, ~, v, e, ê.*Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ.Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn tập các âm chữ được học trong tuần :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh củng cố được các âm chữ, dấu ghi thanh ơ, *., ô, ~, v, e, ê*.Sử dụng được các âm chữ đã học trong tuần để tạo tiếng mới.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi.  *\* Cách tiến hành:*  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Nào, mình cùng chơi!*”. Quản tròyêu cầu các bạnđọc, viết âm chữ được học ở bài 4; đọc từ, câu ứng dụng ở bài 4.  - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. | - Học sinh mở sách học sinh trang 28. |
| - Giáo viên giới thiệu bài Ôn tập và viết bảng.  - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học.  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc các âm chữ, dấu thanh vừa học trong tuần.  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm một số từ ngữ có tiếng chứa ơ, ***.****, ô, ~, v, e, ê* vừa học trong tuần và đặt câu với những tiếng đó.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nói câu có từ ngữ có tiếng chứa âm chữ vừa được học trong tuần.  - Giáo viên gắn bảng ghép các âm *v-a, v-o, v-e, v-ơ, v-ô,…* và yêu cầu học sinh đánh vần các chữ được ghép.  - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát bảng ghép chữ và thanh, đánh vần các chữ được ghép*.* | - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh lắng nghe mục tiêu của bài học.  - Học sinh đọc: ơ, ***.****, ô, ~, v, e, ê*.  - Học sinh tìm một số từ ngữ có tiếng chứa ơ, ***.****, ô, ~, v, e, ê* vừa học trong tuần và đặt câu với những tiếng đó.  - Học sinh nói câu có từ ngữ có tiếng chứa âm chữ vừa được học trong tuần.  - Học sinh quan sát bảng ghép các âm *v, a, o, e. ô, …*và đánh vần các chữ được ghép:*v-a, v-o, v-e, v-ơ, v-ô,…;*  - Học sinh quan sát bảng ghép chữ và thanh, đánh vần các chữ được ghép: *bê-huyền-bề, bê-sắc-bế, bê-nặng-bệ, bê-hỏi-bể, bê-ngã-bễ;….* |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| **2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung câu ứng dụng :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đánh vần và đọc đúng câu ứng dụng.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên đọc mẫu: *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Giáo viên dùng bảng phụ viết trước câu ứng dụng: *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ.*  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thành tiếng câu ứng dụng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung câu ứng dụng bằng các câu hỏi gợi ý:+ Những ai vẽ cò?+ Bố và bé vẽ gì? | - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh nhìn bảng phụ, đọc thành tiếng câu ứng dụng: *Bố vẽ bò. Bé vẽ cá cờ*. - Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi của giáo viên, qua đó, hiểu được nội dung câu ứng dụng. |
| **TIẾT 2** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Tập viết và chính tả :**  *\* Mục tiêu:* Học sinh viết được cụm từ ứng dụng và số 0.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thực hành.  *\* Cách tiến hành:*  ***a. Viết cụm từ ứng dụng:*** |  |
| - Giáo viên treo tranh *bé và bà*, yêu cầu học sinh nhận biết *bé và bà*.  - Giáo viên yêu cầu học sinh đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *bé và bà*.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện từ có chứa âm và chữ được học trong tuần.  - Giáo viên viết mẫu: *bé và bà*.  - Giáo viên yêu cầu học sinh viết cụm từ ứng dụng vào vở.  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. | - Học sinh nhận biết *bé và bà*qua tranh.  - Học sinh đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *bé và bà*: *bờ-e-be-sắc-bé; vờ-a-va-huyền-và; bờ-a-ba-huyền-bà*.  - Học sinh nhận diện từ có chứa âm và chữ được học trong tuần: *bé, và, bà*.  - Học sinh quan sát cách giáo viên viết.  - Học sinh viết cụm từ ứng dụng vào vở.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. |
| b. Viết số 0: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc số **0**. Giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số 0. | - Học sinh đọc số **0**.  - Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích hình thức chữ viết của số **0**.  - Học sinh viết số **0**vào bảng con.  - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. |
| ***Nghỉ giữa tiết*** | |
| 4. Hoạt động vận dụng: *\* Mục tiêu:* Học sinh được mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề “*Bé và bà”*; học sinh hát được bài “*Cháu yêu bà*”.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên gợi ý, hướng dẫn học sinh nói về những việc làm bà và cháu thường cùng làm với nhau; nói về tình cảm của học sinh đối với ông bà; giới thiệu về ông bà,…  - Giáo viên tổ chức trò chơi “*Mắt ai tinh – Tai ai thính”* nhằm giúp học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ơ, ***.****, ô, ~, v, e, ê* liên quan đến chủ đề *Bé và bà*.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát bài “*Cháu yêu bà*”*.* | - Học sinh nghe giáo viên gợi ý.  - Học sinh cử quản trò, quản trò thực hiện:  + Đưa lần lượt các tranh thuộc chủ đề “*Bé và bà”* và yêu cầu các bạn nhìn tranh để nói (nối tiếp nhau).  + Học sinh nhìn tranh gợi ý và nói (nối tiếp nhau) về chủ đề: “*Bé và bà*”.  - Học sinh hát bài “*Cháu yêu bà”: Bà ơi bà, cháu yêu bà lắm …* |
| **5. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh phân biệt dấu hỏi, dấu ngã.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh chú ý phân biệt dấu hỏi, dấu ngã.  - Học sinh nắm lại nội dung đọc, viết ở giờ tự học.  - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (kể chuyện *Bé và bà*). |

***Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1 tuần 02***

**CHỦ ĐỀ 2: BÉ VÀ BÀ**

**KỂ CHUYỆN (tiết 12 – sách học sinh trang 29)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**-** Nắm được câu chuyện “*Bé và bà*”.

**-** Biết phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Bé và bà* và tranh minh hoạ. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu gợi ý dưới tranh. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.

**- Năng lực**: Bày tỏ cảm xúc của bản thân với các nhân vật trong câu chuyện.

**- Phẩm chất**: Bồi dưỡng phẩm chất biết yêu thương, chia sẻ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Tranh minh hoạ truyện phóng to; nội dung câu chuyện và câu hỏi.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, tìm hiểu trước về câu chuyện sẽ học, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Luyện tập nghe và nói:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh đọc trơn và biết phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Bè và bà*và tranh minh hoạ.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên treo tranh minh họa truyện “*Bé và bà*”.  - Giáo viên yêu cầu học sinh đánh vần và đọc trơn tên truyện *Bé và bà*.  - Giáo viên yêu cầu học sinh dựa vào tranh minh hoạ, phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện theo các câu hỏi gợi ý:  + *Tranh vẽ có những ai*?  + *Hai người nào xuất hiện trong cả bốn bức tranh*?  + *Câu chuyện diễn ra ở đâu*?  + *Có những chuyện gì xảy ra với nhân vật bé Na và nhân vật bà*?  - Giáo viên dùng tên truyện và tranh minh hoạ để giới thiệu bài mới. | - Học sinh quan sát tranh.  - Học sinh đánh vần và đọc trơn tên truyện *Bé và bà*.  - Học sinh thảo luận cặp đôi với bạn cùng trả lời các câu hỏi và bàn về nội dung câu chuyện.  - Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài mới và mục tiêu bài học. |
| **Nghỉ giữa tiết** | |
| **2. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện:**  *\* Mục tiêu:* Học sinh kể được từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu gợi ý dưới tranh; trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Kể chuyện nhóm, cá nhân.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên treo tranh và kể mẫu lần 1 toàn bộ câu chuyện.  - Giáo viên yêu cầu học sinh liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.  - Giáo viên kể mẫu lần 2 từng đoạn câu chuyện.  - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện.  - Giáo viên sử dụng câu chủ đề đoạn dưới mỗi bức tranh để giúp học sinh ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện.  - Giáo viên sử dụng các câu hỏi kích thích phỏng đoán:  + *Điều gì xảy ra với bà*?  + *Bé và ba mẹ làm gì khi bà bị ốm*?  - Giáo viên yêu cầu học sinh kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ (âm lượng đủ nghe trong nhóm).  - Giáo viên yêu cầu nhóm học sinh kể tiếp nối theo diễn biến câu chuyện trước lớp (với âm lượng kể trước cả lớp).  - Giáo viên nhắc học sinh tư thế, ánh mắt, cử chỉ, gương mặt khi ngồi nghe bạn kể. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện theo gợi ý: *Câu chuyện kể về điều gì*?*Em thích nhân vật nào nhấ*t? *Vì sao*? *Em thích chi tiết (tình tiết) nào nhất*? *Vì sao*? | - Học sinh nghe kể đồng thời quan sát tranh..  - Học sinh tự liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.  - Học sinh nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện.  - Học sinh quan sát và ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện;  - Học sinh trả lời các câu hỏi và phỏng đoán nội dung từng đoạn truyện.  - Học sinh kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ.  - Các nhóm học sinh kể tiếp nối theo diễn biến câu chuyện trước lớp. - Học sinh tự chú ý về tư thế, ánh mắt, cử chỉ, gương mặt khi ngồi nghe bạn kể.- Học sinh trả lời các câu hỏi gợi ý của giáo viên để nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. |
| **3. Hoạt động nối tiếp :**  - Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại tên truyện *Bé và bà*, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích.  Giáo viên dặn học sinh. | - Học sinh nhắc lại tên truyện *Bé và bà*, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích.  - Học sinh đọc, kể lại truyện cho người thân cùng nghe; chuẩn bị chủ đề *Đi chợ*. |

***Kế hoạch bài dạy lớp 1 môn Tự nhiên và Xã hội tiết 2 - tuần 02***

**GIA ĐÌNH**

**BÀI 2: SINH HOẠT TRONG GIA ĐÌNH (tiết 2, sách học sinh, trang 14-15)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Nêu được các công việc ở nhà.

**-** Làm được một số việc nhà phù hợp với khả năng của mình.

**- Năng lực chú trọng**: Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**-** Hình thành tình cảm yêu quý, trân trọng gia đình; tham gia các công việc gia đình vừa sức với bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Sách Tự nhiên và Xã hội; các tranh trong bài 2 sách học sinh (phóng to), một số dụng cụ để làm việc nhà như: chổi, khăn lau bàn, hốt rác,… phiếu nhận xét của cha mẹ học sinh.

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động :** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo hứng thú và gợi nhớ lại nội dung học của tiết học trước.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên bắt nhịp cho học sinh cùng hát bài “Bé quét nhà” (Sáng tác: Hà Đức Hậu).  - Giáo viên đặt câu hỏi: *Bạn nhỏ làm việc nhà gì? Con đã thực hiện những công việc nào khi ở nhà?*  - Giáo viên dẫn dắt học sinh vào tiết 2 của bài học. | - Học sinh hát và trả lời các câu hỏi của giáo viên. |
| **2.Khám phá:** |  |
|  |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh biết được sự cần thiết của việc nghỉ ngơi, vui chơi cùng nhau của các thành viên trong gia đình.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm có 4 học sinh, yêu cầu các nhóm quan sát tranh và nói về nội dung từng tranh.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh trình bày trước lớp.  - Giáo viên và học sinh cùng nhận xét, rút ra kết luận: Nghỉ ngơi, vui chơi cùng nhau giúp gia đình hòa thuận, hạnh phúc hơn. | - Các nhóm quan sát tranh và nói về nội dung từng tranh.  - Học sinh trình bày trước lớp: Tranh 1: Gia đình An chuẩn bị các vật dụng và thức ăn để đi dã ngoại. Tranh 2: Bố chở An, mẹ chở chị Hà trên xe đạp. Tranh 3: Gia đình An ngồi trên bãi cỏ, ăn uống, cười nói vui vẻ. Tranh 4: Buổi tối, An nằm ngủ và mơ thấy chuyến đi của gia đình, cả nhà hạnh phúc bên nhau.  - Học sinh nhận xét, rút ra kết luận. |
| ***3.Thực hành, vận dụng:*** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh biết chia sẻ thời gian nghỉ ngơi, vui chơi cùng các thành viên trong gia đình.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi “*Gia đình em thường làm gì vào những ngày nghỉ?*”.  - Giáo viên giúp học sinh hiểu việc nghỉ ngơi, vui chơi cùng với các thành viên trong gia đình sẽ tạo cơ hội cho mọi người được quây quần, sum họp với nhau. Đồng thời, giáo viên hướng học sinh vào những hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi lành mạnh, có lợi cho sức khỏe.  - Giáo viên giúp học sinh tập đọc các từ khoá của bài: “Việc nhà - Chia sẻ”. | - Học sinh liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.  - Học sinh quan sát, lắng nghe và rút ra kết luận:Các thành viên trong gia đình em cùng nhau nghỉ ngơi và vui chơi.  - Học sinh tập đọc các từ khoá của bài: “Việc nhà - Chia sẻ”. |
| 4. Hoạt động tiếp nối sau bài học : |  |
| - Giáo viên yêu cầu học sinh về nhà nghỉ ngơi, vui chơi cùng các thành viên trong gia đình, chụp hình làm sản phẩm để chia sẻ với bạn. Quan sát về đặc điểm xung quanh ngôi nhà mình đang ở để chuẩn bị cho bài học sau. | - Học sinh về nhà thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. |

**Sinh hoạt theo chủ đề**

**CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN (4 TIẾT)**

**TIẾT 2: SỞ THÍCH CỦA EM VÀ CỦA BẠN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Về năng lực:**

- Mô tả được những đặc điểm cơ bản về dáng vẻ bên ngoài, sở thích và khả năng của bản thân.

- Nhận biết và thể hiện được một số hành vi phù hợp khi nghe người khác nói, trình bày.

- Thể hiện được sự tôn trọng, yêu thương mình và bạn bè bằng một số lời nói, hành động cụ thể.

- Bước đầu tập biết tự đánh giá hoạt động của bản thân.

- Nhận ra và nêu được một số điểm khác biệt của em và bạn bè.

- Thể hiện sự thân thiện khi làm việc với các bạn.

- Biết tham gia dọn dẹp ngăn nắp sau khi làm.

- Bước đầu biết tự giới thiệu bản thân cho người khác.

**2. Về phẩm chất:**

- Tự tin và yêu quý bản thân hơn khi biết mình là một chủ thể có những đặc điểm riêng biệt, khác với các bạn.

- Biết tôn trọng và yêu thương bạn bè.

- Nâng cao trách nhiệm qua việc thu dọn, giữ sạch sẽ nơi thực hành.

- Trung thực trong tự đánh giá bản thân, đánh giá bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Ảnh chụp chân dung của giáo viên; giấy A4, giấy màu, bìa cứng, keo dán, kéo, bút màu, dây len màu, dây bố, kim kẹp, kim bấm; giấy có in sẵn họa tiết để làm đường diềm, ...

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bút chì, màu vẽ (bút chì màu, bút sáp màu, bút màu dạ, màu nước,…), giấy báo cũ, bìa, giấy màu, keo dán, kéo; ảnh chân dung của học sinh; …

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: Nhìn hình và đoán bạn An, bạn Nam thích làm những gì?:** |  |
| *\* Mục tiêu:* giúp thu hút sự quan tâm của học sinh vào bài học, khai thác những điều em đã học, đã biết trước đây, giới thiệu bài mới và tạo hứng khởi cho học sinh đối với nội dung mới.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn để học sinh trả lời về sở thích của hai bạn An và Nam theo tranh vẽ.  - Giáo viên dẫn dắt để học sinh tự giới thiệu thêm về sở thích của mình. | - Học sinh trả lời về sở thích của hai bạn An và Nam theo tranh vẽ.  - Học sinh tự giới thiệu thêm về sở thích của mình. |
| **2. Hoạt động khám phá: Nêu những việc em thích và hay làm:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nêu những việc em thích và hay làm.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thảo luận nhóm, đàm thoại, vấn đáp, trực quan.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫnhọc sinhtìm hiểu sở thích dựa trên mô hình “Đa trí tuệ”.  - Giáo viên hướng dẫn, giúphọc sinhchọn sở thích đã được phân theo 8 nhóm hoạt động tương ứng với 8 loại thông minh/trí tuệ/trí khôn:    - Giáo viên khích lệ học sinh nhìn nhận những việc em chưa làm được hoặc chưa làm tốt (nếp nghĩ phát triển): không sợ sai/dở, nỗ lực tập luyện, học hỏi, … và phẩm chất trung thực, tự tin.  - Giáo viên tổ chức để học sinh thể hiện khả năng của mình cho nhóm, lớp.  - Giáo viên hướng dẫn, giúphọc sinh cách trình bày hay dựa vào phụ lục.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá học sinh qua cách các em thể hiện: lời nói, tâm thế, cách diễn đạt, cách động viên bạn, … | - Học sinh tìm hiểu sở thích dựa trên mô hình “Đa trí tuệ”.  - Học sinh chọn sở thích đã được phân theo 8 nhóm hoạt động tương ứng với 8 loại thông minh/trí tuệ/trí khôn.  - Học sinh nhìn nhận những việc em chưa làm được hoặc chưa làm tốt.  - Học sinh trình bày qua lời nói, ánh mắt, cử chỉ khi thể hiện. |
| **3. Hoạt động luyện tập thực hành: Cùng hỏi-đáp về sở thích của nhau:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh tìm hiểu về sở thích, thói quen của bạn.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành, trực quan, sáng tạo cá nhân.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên đặt câu hỏi chung cho cả lớp và mời một vài học sinh chỉ ra khác biệt của em với các bạn. Giáo viên giúp học sinh ý thức được: Mỗi em đều có nét riêng, điểm đặc biệt nổi trội và những điểm còn hạn chế. Điểm hạn chế này hoàn toàn có thể được khắc phục nhờ nỗ lực tập luyện, học hỏi, … không ngừng.  - Giáo viên nêu ra một số gương điển hình để học sinh học tập, noi theo.  - Giáo viên gợi ý để học sinh nghĩ ra cách thể hiện sự tôn trọng dành cho bạn. | - Vài học sinh chỉ ra khác biệt của em với các bạn.  - Học sinhlắng nghe.  - Học sinh nghĩ ra cách thể hiện sự tôn trọng dành cho bạn. Ví dụ, nói và làm một hành động dễ thương, thể hiện sự quý trọng của mình đối với bạn. |
| **4. Hoạt động vận dụng: Làm quen và giới thiệu sở thích:** |  |
| *\* Mục tiêu:*Giúp học sinh biết tự làm quen và giới thiệu sở thích của mình với bạn.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành, trực quan, nhóm.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn để học sinh thảo luận, giới thiệu tên và sở thích của mình trong nhóm 4. Chọn những hành động, việc làm thể hiện sự tôn trọng bạn và ngược lại.  - Giáo viên hỏi thêm về cảm xúc của em khi bị bạn trêu chọc, bắt nạt. | - Học sinhgiới thiệu tên và sở thích của mình, chọn những hành động, việc làm thể hiện sự tôn trọng bạn và ngược lại.  - Học sinh trình bày cá nhân. |
| 5. Đánh giá (2-3 phút): |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh tự đánh giá mình và đánh giá bạn.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| Giáo viênđánh giá học sinh và hướng dẫn học sinh tự đánh giá mình, đánh giá bạn qua phiếu: | Học sinh tự đánh giá mình và đánh giá bạn qua phiếu đánh giá. |